

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 39

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận các Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 11 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Giống cây trồng Trung ương Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Nhà máy chế biến giống Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch
Ông Trần Đình Long	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên
Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Kim Liên
Ông Phạm Ngọc Lý
Ông Nguyễn Hải Thọ
Ông Đỗ Bá Vọng

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Trần Kim Liên, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Kim Liên
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2016

Số tham chiếu: 61201380/ 18490703-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương ("Công ty"), được lập ngày 8 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 8 tháng 8 năm 2016 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề này.



Công ty trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Phú Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		357.331.451.608	433.494.765.690
110	I. Tiền	4	51.051.093.421	38.556.822.668
111	1. Tiền		51.051.093.421	38.556.822.668
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	2.466.660.500	2.439.993.900
121	1. Chứng khoán kinh doanh		3.944.000.000	3.944.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.477.339.500)	(1.504.006.100)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		123.597.630.163	204.891.001.707
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	82.443.641.929	179.809.862.800
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	5.642.378.426	8.011.792.100
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	28	-	2.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	35.572.197.808	15.129.934.807
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(60.588.000)	(60.588.000)
140	IV. Hàng tồn kho	9	176.627.591.146	183.181.178.794
141	1. Hàng tồn kho		177.585.541.853	186.462.054.288
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(957.950.707)	(3.280.875.494)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.588.476.378	4.425.768.621
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	3.587.476.378	4.310.791.621
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.000.000	114.977.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		760.040.321.093	768.586.983.005
220	I. Tài sản cố định		175.172.664.845	182.841.658.211
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	169.827.932.147	176.635.714.007
222	Nguyên giá		228.818.420.325	227.767.692.825
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(58.990.488.178)	(51.131.978.818)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	5.344.732.698	6.205.944.204
228	Nguyên giá		12.457.902.000	12.457.902.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.113.169.302)	(6.251.957.796)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		2.123.346.664	2.113.446.664
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	2.123.346.664	2.113.446.664
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	14	581.607.128.538	583.456.063.880
251	1. Đầu tư vào công ty con		568.273.488.538	570.122.423.880
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		13.333.640.000	13.333.640.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		1.137.181.046	175.814.250
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.137.181.046	175.814.250
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.117.371.772.701	1.202.081.748.695

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		247.087.255.510	373.664.933.111
310	I. Nợ ngắn hạn		221.233.187.435	315.776.695.911
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	49.621.783.795	89.139.194.784
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		14.228.875.489	30.291.844.036
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.043.660.016	4.463.101.126
314	4. Phải trả người lao động		35.660.046.787	38.757.894.900
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.048.514.117	1.089.290.086
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	44.880.519.385	11.409.474.242
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	38.955.109.500	116.887.898.460
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		33.794.678.346	23.737.998.277
330	II. Nợ dài hạn		25.854.068.075	57.888.237.200
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	25.854.068.075	57.888.237.200
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		870.284.517.191	828.416.815.584
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	870.284.517.191	828.416.815.584
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		152.950.000.000	152.950.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		152.950.000.000	152.950.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		331.245.527.850	331.245.527.850
415	3. Cổ phiếu quỹ		(40.000.000)	(20.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		274.661.942.419	197.461.033.229
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		111.467.046.922	146.780.254.505
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		20.758.671.815	5.884.996.210
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		90.708.375.107	140.895.258.295
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.117.371.772.701	1.202.081.748.695

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên

Ngày 8 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	448.858.767.345	442.781.290.881
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	24.649.469.312	40.805.842.188
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	22.1	424.209.298.033	401.975.448.693
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	269.519.708.891	258.055.400.511
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		154.689.589.142	143.920.048.182
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	18.364.796.560	6.375.949.650
22	7. Chi phí tài chính	24	8.153.137.424	5.744.026.649
23	Trong đó: chi phí lãi vay		4.817.233.360	2.144.121.025
25	8. Chi phí bán hàng	25	36.650.552.843	36.965.517.222
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	34.086.783.062	31.863.750.770
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		94.163.912.373	75.722.703.191
31	11. Thu nhập khác		936.050.930	362.355.421
32	12. Chi phí khác		9.172.642	-
40	13. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		926.878.288	362.355.421
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [14 = 30 + 40]		95.090.790.661	76.085.058.612
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	4.218.415.554	2.939.589.412
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		90.872.375.107	73.145.469.200

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên

Ngày 8 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		475.571.366.771	366.756.067.685
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(274.262.229.422)	(241.082.760.008)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(48.617.901.686)	(38.822.966.710)
04	Tiền lãi vay đã trả		(4.982.181.869)	(2.587.793.728)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	27.2	(4.770.184.275)	(1.873.445.296)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.818.005.839	6.006.639.899
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.034.102.596)	(28.362.669.203)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		136.722.772.762	60.033.072.639
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(15.801.627.085)	(55.674.870.902)
23	Tiền thu hồi cho vay		1.109.077.834	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(190.062.013.838)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		456.648.406	7.375.828.612
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(14.235.900.845)	(238.361.056.128)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(20.000.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay		79.693.513.000	183.203.497.315
34	Tiền trả nợ gốc vay		(189.660.471.085)	(53.931.471.300)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(22.942.500.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(109.986.958.085)	106.329.526.015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		12.499.913.832	(71.998.457.474)
60	Tiền đầu kỳ		38.556.822.668	97.094.853.557
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(5.643.079)	10.846.035
70	Tiền cuối kỳ	5	51.051.093.421	25.107.242.118



Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh



Kế toán trưởng
Phan Thế Tỷ



Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên

Ngày 8 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận các Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 11 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là dưới 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, Phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Giống cây trồng Trung ương Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Nhà máy chế biến giống Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 318 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 344).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 5 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong kỳ</i>
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	Phường Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam (tên trước đây là "Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam")	90,02%	90,02%	Xã Điện Thắng Bắc, Thị xã Điện Bàn, Quảng Nam	Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu và động vật sống, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư phục vụ nông nghiệp.
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	61,49%	61,49%	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại.
4	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nghệ An (*)	43%	70%	Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	Mua bán hạt giống, vật tư nông nghiệp, nông sản; cung cấp dịch vụ sấy, đóng gói, mua bán máy nông nghiệp; và sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm.
5	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (*)	51%	83,74%	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.

(*) Công ty nắm giữ các công ty con này gián tiếp qua một công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương là công ty mẹ có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 14. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 vào ngày 8 tháng 8 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Bản quyền

Bản quyền các loại giống ngô và lúa được ghi nhận theo giá mua đối với các loại giống không do Công ty tự nghiên cứu và phát triển. Bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua bản quyền.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 6 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Bản quyền	5 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không được khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và chi nhánh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

14
 CHI
 CỐ
 CH NI
 INST
 VIỆ
 TẠI
 KI

14
 CHI
 CỐ
 CH NI
 INST
 VIỆ
 TẠI
 KI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tiền mặt	4.711.737.008	4.426.435.334
Tiền gửi ngân hàng	46.339.356.413	34.130.387.334
TỔNG CỘNG	51.051.093.421	38.556.822.668

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Chứng khoán kinh doanh:						
- Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cây Rau Quả	3.944.000.000	(1.477.339.500)	2.466.660.500	3.944.000.000	(1.504.006.100)	2.439.993.900
TỔNG CỘNG	3.944.000.000	(1.477.339.500)	2.466.660.500	3.944.000.000	(1.504.006.100)	2.439.993.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	73.462.704.094	178.484.079.209
<i>Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>	-	73.803.000.000
<i>Phải thu từ khách hàng khác</i>	73.462.704.094	104.681.079.209
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	8.980.937.835	1.325.783.591
TỔNG CỘNG	82.443.641.929	179.809.862.800
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(60.588.000)	(60.588.000)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trả trước cho nhà thầu xây dựng	447.360.000	236.984.000
<i>Trả trước nhà thầu xây dựng khác</i>	447.360.000	236.984.000
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	5.195.018.426	7.774.808.100
<i>Ông Trần Văn Thuận</i>	169.998.679	1.879.051.634
<i>Hợp tác xã Mỹ Đức</i>	-	1.270.242.902
<i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i>	5.025.019.747	4.625.513.564
TỔNG CỘNG	5.642.378.426	8.011.792.100

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu cổ tức (*)	18.438.260.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	13.626.308.000	13.434.729.000
Phải thu khác	3.507.629.808	1.695.205.807
TỔNG CỘNG	35.572.197.808	15.129.934.807
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	17.133.937.808	15.129.934.807
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	18.438.260.000	-

(*) Đây là khoản phải thu cổ tức năm 2015 từ Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam, một công ty con của Công ty, theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị của công ty này vào ngày 7 tháng 6 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

Đối tượng nợ (*)	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phòng nông nghiệp huyện Thạch Hà	1.680.000	-	1.680.000	-
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Phú Quý Nguyễn Hoàng -Trạm Bảo vệ thực vật Cẩm Xuyên – Hà Tĩnh	30.336.000	-	30.336.000	-
Nguyễn Thị Đào	8.572.000	-	8.572.000	-
	20.000.000	-	20.000.000	-
TỔNG CỘNG	60.588.000	-	60.588.000	-

(*) Đây là các khoản nợ quá hạn trên 3 năm và đã được Công ty trích lập dự phòng cho 100% giá trị phải thu như được trình bày tại Thuyết minh số 6.1.

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	150.913.586.432	(957.950.707)	144.985.401.049	(3.280.875.494)
Hàng hóa	8.777.264.958	-	22.426.755.711	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	17.428.109.139	-	18.325.100.383	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	458.901.324	-	724.797.145	-
Công cụ, dụng cụ	7.680.000	-	-	-
TỔNG CỘNG	177.585.541.853	(957.950.707)	186.462.054.288	(3.280.875.494)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số đầu kỳ	3.280.875.494	2.993.875.510
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	1.963.294.577	3.108.329.522
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(4.286.219.364)	(2.818.688.280)
Số cuối kỳ	957.950.707	3.283.516.752

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản mục chi phí bao bì và tem nhãn sản phẩm chờ phân bổ.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải	Máy móc và thiết bị	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	127.690.264.291	1.246.142.790	15.556.971.383	83.274.314.361	227.767.692.825
Mua mới trong kỳ	350.387.500	527.930.000	-	172.410.000	1.050.727.500
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	128.040.651.791	1.774.072.790	15.556.971.383	83.446.724.361	228.818.420.325
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	6.814.611.103	514.245.000	2.121.361.598	6.920.964.975	16.371.182.676
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	19.940.265.923	664.741.069	7.859.429.808	22.667.542.018	51.131.978.818
Khấu hao trong kỳ	3.020.592.602	87.836.586	688.030.399	4.062.049.773	7.858.509.360
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	22.960.858.525	752.577.655	8.547.460.207	26.729.591.791	58.990.488.178
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	107.749.998.368	581.401.721	7.697.541.575	60.606.772.343	176.635.714.007
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	105.079.793.266	1.021.495.135	7.009.511.176	56.717.132.570	169.827.932.147

(*) Công ty đã sử dụng toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị thuộc nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng và nhà máy gao tại thị trấn Đông Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 19.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	2.395.787.000	752.115.000	9.310.000.000	12.457.902.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	2.395.787.000	752.115.000	9.310.000.000	12.457.902.000
<i>Trong đó:</i>				
Đã hao mòn hết	120.000.000	-	2.600.000.000	2.720.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	120.000.000	14.624.458	6.117.333.338	6.251.957.796
Hao mòn trong kỳ	-	75.211.500	786.000.006	861.211.506
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	120.000.000	89.835.958	6.903.333.344	7.113.169.302
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	2.275.787.000	737.490.542	3.192.666.662	6.205.944.204
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	2.275.787.000	662.279.042	2.406.666.656	5.344.732.698

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm chi phí xây dựng cho dự án Nhà cao tầng Phương Mai.

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016				Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
	Giá gốc (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Dư phòng	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Dư phòng	Giá trị hợp lý (VND)
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 14.1)								
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (**)	530.841.700.538	9.219.130	-	414.860.850.000	532.690.635.880	9.219.130	-	525.490.410.000
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây (**)	30.608.000.000	30.608	-	-	30.608.000.000	30.608	-	-
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam (tên trước đây là "Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam") (**)	6.823.788.000	450.100	-	-	6.823.788.000	450.100	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình (**)	13.333.640.000	99.938	-	-	13.333.640.000	99.938	-	-
TỔNG CỘNG	581.607.128.538			414.860.850.000	583.456.063.880			525.490.410.000

(*) Khoản cổ tức nhận được sau ngày mua tương ứng với giai đoạn Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam chưa trở thành công ty con của Công ty với số tiền là 1.848.935.342 VND đã được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

(**) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty sở hữu 10,03% cổ phần trong Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	53,80%	53,80%
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam (tên trước đây là "Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam")	90,02%	90,02%	90,02%	90,02%
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	61,49%	61,49%	61,49%	61,49%

Thông tin về các khoản đầu tư vào các công ty con này được trình bày tại Thuyết minh số 1.

15. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả nhà thầu xây dựng	874.334.973	874.334.973	12.533.337.529	12.533.337.529
Phải trả cho người bán				
- Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên - Trung Quốc	17.152.357.321	17.152.357.321	41.701.362.241	41.701.362.241
- Công ty Giống cây trồng Thịnh Du - Trung Quốc	862.073.082	862.073.082	10.652.610.112	10.652.610.112
- Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xi nghiệp 19	-	-	9.543.663.000	9.543.663.000
- Phải trả đối tượng khác	30.733.018.419	30.733.018.419	14.703.574.902	14.703.574.902
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	-	4.647.000	4.647.000
TỔNG CỘNG	49.621.783.795	49.621.783.795	89.139.194.784	89.139.194.784

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	322.114.706	58.624.597	(374.496.592)	6.242.711
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.2)	2.585.175.252	4.218.415.554	(4.770.184.275)	2.033.406.531
Thuế thu nhập cá nhân	1.555.811.168	4.899.053.824	(5.450.854.218)	1.004.010.774
Thuế khác	-	264.980.506	(264.980.506)	-
TỔNG CỘNG	4.463.101.126	9.441.074.481	(10.860.515.591)	3.043.660.016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí lãi vay phải trả	72.127.057	237.075.566
Chi phí phải trả khác	976.387.060	852.214.520
TỔNG CỘNG	<u>1.048.514.117</u>	<u>1.089.290.086</u>

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Cổ tức phải trả	30.576.756.000	-
Chi phí đền bù đất phải trả - Dự án Đồng Văn	2.847.000.000	2.847.000.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.299.996.750	2.299.996.750
Kinh phí hỗ trợ giống gốc để sản xuất lúa lai	984.550.275	984.550.275
Phải trả cho đơn vị khoán sản xuất	2.841.754.328	992.877.512
Chi phí phải trả - Các Dự án lúa	1.217.410.760	2.748.814.790
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	219.153.328	61.668.228
Kinh phí công đoàn	127.205.640	95.876.300
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.766.692.304	1.378.690.387
TỔNG CỘNG	<u>44.880.519.385</u>	<u>11.409.474.242</u>
Nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	116.887.898.460	116.887.898.460	89.104.959.500	(167.037.748.460)	38.955.109.500	38.955.109.500	
Vay ngân hàng ngắn hạn	115.396.843.710	115.396.843.710	70.149.850.000	(165.546.693.710)	20.000.000.000	20.000.000.000	
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	1.491.054.750	1.491.054.750	18.955.109.500	(1.491.054.750)	18.955.109.500	18.955.109.500	
Vay dài hạn	57.888.237.200	57.888.237.200	9.543.663.000	(41.577.832.125)	25.854.068.075	25.854.068.075	
Vay ngân hàng dài hạn	57.888.237.200	57.888.237.200	9.543.663.000	(41.577.832.125)	25.854.068.075	25.854.068.075	
TỔNG CỘNG	174.776.135.660	174.776.135.660	98.648.622.500	(208.615.580.585)	64.809.177.575	64.809.177.575	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	20.000.000.000	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 10 tháng. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng.	Không
TỔNG CỘNG	20.000.000.000		

19.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	38.762.735.950	Gốc vay thanh toán sau 24 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên vào ngày 14 tháng 2 năm 2015 và theo phụ lục hợp đồng được lập sau thời gian ân hạn. Lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.	Toàn bộ tài sản được hình thành trong tương lai của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng, nhà máy gạo tại Thị trấn Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam.
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan – Chi nhánh Hà Nội	6.046.441.625	Khoản vay sẽ đáo hạn vào ngày 22 tháng 1 năm 2018. Gốc thanh toán 3 tháng/lần sau thời gian ân hạn 1 năm tính từ ngày giải ngân đầu tiên vào ngày 22 tháng 1 năm 2015. Lãi thanh toán theo kỳ hạn ba tháng trong năm thứ nhất kể từ ngày giải ngân đầu tiên, và được thanh toán hàng tháng kể từ năm thứ hai.	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay cho Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng và nhà máy gạo tại Thị trấn Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam.
TỔNG CỘNG	44.809.177.575		
<i>Trong đó:</i>			
- Vay dài hạn đến hạn trả	18.955.109.500		
- Vay dài hạn	25.854.068.075		

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)	152.950.000.000	331.245.527.850	140.402.261.406	126.878.534.309	751.476.323.565
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	73.145.469.200	73.145.469.200
Trích lập quỹ	-	-	61.771.278.935	(61.771.278.935)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(13.097.259.164)	(13.097.259.164)
Cổ tức công bố	-	-	-	(45.885.000.000)	(45.885.000.000)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(240.000.000)	(240.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	(1.695.181.247)	-	(1.695.181.247)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	152.950.000.000	331.245.527.850	200.478.359.094	79.030.465.410	763.704.352.354

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	152.950.000.000	331.245.527.850	(20.000.000)	197.461.033.229	146.780.254.505	828.416.815.584
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	90.872.375.107	90.872.375.107
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(20.000.000)	-	-	(20.000.000)
Trích lập quỹ (*)	-	-	-	80.213.702.576	(80.213.702.576)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(14.881.124.114)	(14.881.124.114)
Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	(30.576.756.000)	(30.576.756.000)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(514.000.000)	(514.000.000)
Sử dụng quỹ (***)	-	-	-	(3.012.793.386)	-	(3.012.793.386)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	152.950.000.000	331.245.527.850	(40.000.000)	274.661.942.419	111.467.046.922	870.284.517.191

(*) Việc trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết số 19/NQ-ĐHCĐ2016 của Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty năm 2016 ngày 15 tháng 4 năm 2016.

(**) Chia cổ tức đợt 2 từ lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết số 23/NQ-HDQT-CTG của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 20 tháng 6 năm 2016.

(***) Công ty đã sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp của chủ sở hữu	152.950.000.000	152.950.000.000	-	152.950.000.000	152.950.000.000	-
- Vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (Công ty mẹ)	114.712.500.000	114.712.500.000	-	114.712.500.000	114.712.500.000	-
- Vốn góp của đối tượng khác	38.237.500.000	38.237.500.000	-	38.237.500.000	38.237.500.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	331.245.527.850	331.245.527.850	-	331.245.527.850	331.245.527.850	-
TỔNG CỘNG	484.195.527.850	484.195.527.850	-	484.195.527.850	484.195.527.850	-

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Vốn đã góp		
Số đầu kỳ	152.950.000.000	152.950.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	152.950.000.000	152.950.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	30.576.756.000	45.885.000.000
Cổ tức cho năm 2015, đợt 2: 2.000 đồng/cổ phiếu	30.576.756.000	-
Cổ tức cho năm 2014: 3.000 đồng/cổ phiếu	-	45.885.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	-	22.942.500.000
Cổ tức cho năm 2014	-	22.942.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.4 Cổ phiếu

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.295.000	15.295.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	15.295.000	15.295.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Cổ phiếu phổ thông	11.472	6.622
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.283.528	15.288.378
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam (2015: 10.000 đồng Việt Nam).

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>31 tháng 12 năm 2015</i>
Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba (VND)	762.740.055	762.740.055
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba (VND) (*)	62.915.000.000	75.523.190.000
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	11.910	19.160
- Nhân dân tệ (CNY)	92.816	100.997
- Kíp Lào (LAK)	1.000.000	1.000.000
Nợ khó đòi đã xử lý	2.892.931.475	2.892.931.475

(*) Đây là hàng hóa của Cục Trồng trọt thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được Công ty nhận giữ hộ theo Hợp đồng mua bán hạt giống lúa, ngô dự trữ quốc gia năm 2015 số 02 HĐMB/DTQG ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Hợp đồng bảo quản hạt giống lúa, ngô dự trữ quốc gia năm 2015 ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Tổng doanh thu	448.858.767.345	442.781.290.881
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	448.855.719.726	442.775.318.154
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	3.047.619	5.972.727
Các khoản giảm trừ doanh thu:	24.649.469.312	40.805.842.188
<i>Chiết khấu thương mại</i>	9.154.598.242	16.121.934.018
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	15.494.871.070	24.683.908.170
DOANH THU THUẦN	424.209.298.033	401.975.448.693
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên thứ ba</i>	396.771.384.830	396.401.211.773
<i>Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	27.437.913.203	5.574.236.920

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	256.648.906	649.787.586
Cổ tức và lợi nhuận được chia	16.789.324.158	5.242.054.748
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.318.823.496	484.107.316
TỔNG CỘNG	18.364.796.560	6.375.949.650

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	267.556.414.314	254.947.070.989
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.963.294.577	3.108.329.522
TỔNG CỘNG	269.519.708.891	258.055.400.511

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí lãi vay	4.817.233.360	2.144.121.025
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	596.312.779
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(26.666.600)	(239.999.400)
Chiết khấu thanh toán	3.362.570.664	3.243.592.245
TỔNG CỘNG	<u>8.153.137.424</u>	<u>5.744.026.649</u>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>	<i>36.650.552.843</i>	<i>36.965.517.222</i>
Chi phí tiền lương, tiền công lao động	14.312.620.656	13.152.640.212
Chi phí vận chuyển	7.433.939.787	8.886.428.319
Chi phí khấu hao	1.436.308.522	3.801.804.062
Chi phí bán hàng khác	13.467.683.878	11.124.644.629
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<i>34.086.783.062</i>	<i>31.863.750.770</i>
Chi phí tiền lương, tiền công lao động	25.185.263.765	23.161.069.407
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.901.519.297	8.702.681.363
TỔNG CỘNG	<u>70.737.335.905</u>	<u>68.829.267.992</u>

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	265.683.934.619	241.400.993.846
Chi phí nhân công	45.892.694.958	41.416.250.753
Chi phí khấu hao và hao mòn	8.719.720.866	4.909.870.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.683.797.896	18.860.781.876
Chi phí khác	6.024.544.378	4.916.627.272
TỔNG CỘNG	<u>349.004.692.717</u>	<u>311.504.524.544</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011, Công ty được chấp thuận là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"), và theo đó, Công ty được miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ kể từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

- (i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN (từ năm 2011);
- (ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm (từ năm 2011) và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo; và
- (iii) Thuế suất đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Thuế TNDN hiện hành	4.065.289.868	3.612.750.615
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) kỳ trước	153.125.686	(673.161.203)
TỔNG CỘNG	<u>4.218.415.554</u>	<u>2.939.589.412</u>

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Hà Tây	Công ty con	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	5.181.650.000	3.434.866.386
		Mua hàng hóa	153.600.000	-
		Cổ tức được chia	-	520.336.000
Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Trung ương Quảng Nam (tên trước đây là "Công ty Cổ phần Giồng nông lâm nghiệp Quảng Nam")	Công ty con	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	14.574.158.220	1.733.543.520
		Mua hàng hóa	986.805.000	1.340.736.000
		Tiền thu hồi khoản cho vay	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Miền Nam	Công ty con	Cổ tức được chia (*)	18.438.260.000	18.438.260.000
		Mua hàng hóa	3.393.563.900	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	-	120.000.000.000
		Tắt toán khoản vay ngắn hạn	-	120.000.000.000
		Xuất bán thành phẩm	3.434.400	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	7.678.670.583	405.827.014

(*) Bao gồm khoản cổ tức nhận được trước ngày mua tương ứng với giai đoạn Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Miền Nam chưa trở thành công ty con của Công ty với số tiền là 1.848.935.342 và được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty cho vay các bên liên quan, bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản cho vay ngắn hạn đã được hoàn trả trong kỳ, số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2015: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	Công ty con	Bán hàng hóa	713.657.550	951.405.757
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam (tên trước đây là "Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam")	Công ty con	Bán hàng hóa	8.267.280.285	374.377.834
			8.980.937.835	1.325.783.591
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam (tên trước đây là "Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam") (**)	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	-	2.000.000.000
			-	2.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con	Cổ tức được chia	18.438.260.000	-
			18.438.260.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)				
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam (tên trước đây là "Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam")	Công ty con	Mua hàng hóa	-	4.647.000
			-	4.647.000

(**) Đây là khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất là 7,5%/năm và đã được hoàn trả trong kỳ.

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị trong kỳ:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lương và các chi phí liên quan	3.489.100.000	1.597.800.000
TỔNG CỘNG	3.489.100.000	1.597.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, kinh doanh và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến giống cây trồng. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

30. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị là 2,8 tỷ đồng liên quan đến việc đầu tư xây dựng Dự án Xây dựng Nhà làm việc tại Chi nhánh miền Trung.

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh



Kế toán trưởng
Phan Thế Tý



Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên

Ngày 8 tháng 8 năm 2016